

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2023.

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tiến Dũng
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Thắm - là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cà S, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Cà S (gọi tắt là bà S) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003, bà S và ông T do quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Bà S và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang ngày 22/7/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hai bên không tìm được sự đồng cảm trong cuộc sống. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Thị Mỹ T (giới tính: nữ), sinh ngày: 24/4/1998; Cháu Phan Thị Huỳnh H (giới tính: nữ), sinh ngày 21/6/2000 hiện 02 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Phan Thanh Ng (giới tính: nam) sinh ngày 17/4/2006 hiện cháu đang sống chung với bà S, bà S yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;
Về nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Thanh T vắng mặt không có lý do. Không thể hiện bất kỳ ý kiến, đề nghị gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Xuân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn Nguyễn Cà S khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn Phan Thanh T (cư trú trên địa bàn huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang). Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Cà S có đơn xin vắng mặt, bị đơn Phan Thanh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T và bà S nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2003 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của bà S và ông T được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống bà S và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà S cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông T không thể hàn gắn, bà S không thể tiếp tục sống chung với ông T được nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập bà S và ông T nhiều lần để hòa

giải, động viên ông, bà đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt. Trong khi đó bà S luôn cương quyết xin ly hôn. Tòa án xét thấy, quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà S và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà bà S yêu cầu xin ly hôn với ông T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S Cho bà S và ông T được ly hôn với nhau.

[2.2]. Về con chung: Bà S và ông T có 03 con chung tên Phan Thị Mỹ T (giới tính: nữ), sinh ngày: 24/4/1998; Cháu Phan Thị Huỳnh H (giới tính: nữ), sinh ngày 21/6/2000 hiện 02 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Phan Thanh Ng (giới tính: nam) sinh ngày 17/4/2006 hiện cháu đang sống chung với bà S, bà S yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, từ khi bà S và ông T ly thân cho đến nay, cháu Ng sống chung với bà S được bà S chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Hơn nữa cháu Phan Thanh Ng có nguyện vọng được sống chung với bà S. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu Thanh Ng nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Thanh Ng cho bà S được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà S chưa yêu cầu. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà S khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cà S đối với ông Phan Thanh T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Cà S và ông Phan Thanh T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Cà S và ông Phan Thanh T có tất cả 03 con chung.

Cháu Phan Thị Mỹ T (giới tính: nữ), sinh ngày: 24/4/1998; Cháu Phan Thị Huỳnh H (giới tính: nữ), sinh ngày 21/6/2000 hiện 02 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Giao cháu Phan Thanh Ng (giới tính: nam), sinh ngày: 17/4/2006 cho bà Nguyễn Cà S tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu Ng do bà S chưa yêu cầu. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên trực tiếp nuôi con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bên không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi của các cháu, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về tài sản chung: Bà S khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà S khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Cà S phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo lai thu số 0003427 ngày 04/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Vị Thủy;
- THADS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Công bố bản án;
- Lưu hồ sơ.

Châu Minh Tiếp